

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2023

*“V/v Ly hôn và nuôi con chung
giữa chị L và anh B*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hải Sâm- Thư ký TAND huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/07/2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trình Thị L, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: anh Trương Văn Bình, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trình Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trương Văn B lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2022, chị phát hiện anh B có sử dụng ma túy, chị đã khuyên ngăn để anh B từ bỏ tệ nạn xã hội nhưng anh B vẫn không từ bỏ được, tiếp tục sa vào con đường nghiện ngập ma túy nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, nên chị đã về bên ngoại sống cắt đứt mọi người quan hệ tình cảm vợ chồng với anh B từ đầu tháng 06 năm 2023 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh Trương Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trương Gia H, sinh ngày 05/10/2017. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 04/8/2023 thừa nhận về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nguyên đơn trình bày. Theo anh Trương Văn B, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên chưa đến mức phải ly hôn, anh đã nhận ra những sai lầm mà mình đã phạm phải, rất hối hận vì những việc mình làm chỉ mong chị L cho anh cơ hội để anh sửa chữa sai lầm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có con chung là Trương Gia H sinh ngày 05/10/2017. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh đồng ý cấp dưỡng cho con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản: anh Trương Văn B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: **nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật**. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: **đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trình Thị L và anh Trương Văn B; về con chung: giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành, anh B nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành; về tài sản chung: đề nghị không xem xét; về án phí: buộc chị L phải chịu án**

phí ly hôn theo quy định và anh B phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung; bị đơn hiện cư trú tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trình Thị L và anh Trương Văn B lấy nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số **11 do** UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/02/2017 vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B vướng vào tệ nạn xã hội, chị L đã nhiều lần khuyên can nhưng anh B vẫn chưa khắc phục được, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau kể từ tháng 6/2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết ly hôn, anh B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, có nguyện vọng chị L cho anh cơ hội để anh sửa chữa sai lầm. Anh B mặc dù có nguyện vọng đoàn tụ tuy nhiên vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải tiếp theo và phiên tòa, không có thái độ tích cực để tiếp tục hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại nơi cư trú cho thấy: mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Trương Gia H sinh ngày 05/10/2017 và thống nhất ly hôn giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: nguyện vọng trên của các đương sự là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần chấp nhận. Trong trường hợp có yêu cầu của

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trình Thị L và anh Trương Văn B

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Gia H, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Trình Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Anh Trương Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Trình Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Trương Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: chị Trình Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số AA/2022/0004560 ngày 28/7/2023. Anh Trương Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS h. Diễn Châu;
- UBND xã D
- (ĐKKH số 11 ngày 13/02/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung